ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM GIANG

PL số: 01

DỰ TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NAM GIANG NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 175/TTr-UBND ngày 12/12/2023 của UBND huyện Nam Giang)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	DỰ TOÁN NĂM 2023					
		Tỉnh giao	Tổng số huyện giao	*Trong đó chia ra:*			
				NS TW	NS Tỉnh	NS Huyện	NS Xã, thị Trấn
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)	**464.300**	**464.800**	**185.548**	**945**	**276.872**	**1.435**
A	**TỔNG THU NỘI ĐỊA (I+II)**	**324.300**	**324.800**	**45.548**	**945**	**276.872**	**1.435**
I	**Cục thuế quản lý thu**	**303.900**	**303.900**	**41.910**	**945**	**261.045**	**-**
1	**Thu từ DNNN Trung ương**	**167.610**	**167.610**	**13.052**	**-**	**154.558**	**-**
	Thuế GTGT	47.510	47.510	8.552		38.958	
	Thuế TNDN	25.000	25.000	4.500		20.500	
	Thuế tài nguyên	95.100	95.100			95.100	
2	**Thu từ DNNN địa phương**	**70**	70	**13**	**-**	**57**	
	Thuế GTGT	70	70	13		57	
3	**Thu từ DN ngoài quốc doanh**	**93.670**	**93.670**	**10.154**	**-**	**83.516**	**-**
	Thuế GTGT	34.110	34.110	6.140		27.970	
	Thuế TNDN	22.300	22.300	4.014		18.286	
	Thuế tài nguyên	37.260	37.260			37.260	
4	**Thuế thu nhập cá nhân**	**16.700**	**16.700**	**3.006**		**13.694**	
5	**Phí, lệ phí**	**2.700**	**2.700**	**141**	**139**	**2.420**	
	Trong đó: + Phí trung ương	*141*	*141*	*141*			
	+ Lệ phí môn bài	*60*	*60*			*60*	
	+ Phí bảo vệ môi trường KTKS	*2.360*	*2.360*			*2.360*	
	+ Phí, lệ phí tỉnh	*139*	*139*		*139*		
6	**Thu khác**	**2.000**	**2.000**	**1.194**	**806**	**-**	
	Trong đó: + Thu khác ngân sách TW	*1.194*	*1.194*	*1.194*			
	+ Thu khác ngân sách tỉnh	*806*	*806*		*806*		
7	**Thu cấp quyền KTKS, TN nước**	**20.840**	**20.840**	**14.350**	**-**	**6.490**	
	Trong đó: Trung ương cấp phép	**20.500**	**20.500**	**14.350**	**-**	**6.150**	**-**
	Tài nguyên nước	13.120	13.120	9.184		3.936	
	Tài nguyên khoáng sản	7.380	7.380	5.166		2.214	
	Trong đó: Địa phương cấp phép	**340**	**340**			**340**	
	Tài nguyên khoáng sản	220	220			220	
	Tài nguyên nước	120	120			120	
8	**Thu tiền cho thuê đất**	**310**	**310**			**310**	
II	**Chi cục thuế quản lý thu**	**20.400**	**20.900**	**3.638**	**-**	**15.827**	**1.435**
1	**Thu từ khu vực kinh tế ngoài Quốc doanh**	**9.000**	**9.000**	**1.618**	**-**	**6.325**	**1.057**
1.1	**Thu từ các DN NQD**	**7.700**	**7.700**	**1.385**	**-**	**6.315**	
	Thuế GTGT	6.850	6.850	1.232		5.618	
	Thuế TNDN	850	850	153		697	
1.2	**Thu từ hộ SXKD**	**1.300**	**1.300**	**233**	**-**	**10**	**1.057**
	Thuế GTGT	1.270	1.270	229			1.041
	Thuế TTĐB	20	20	4			16
	Thuế tài nguyên	10	10			10	
2	**Thuế thu nhập cá nhân**	**1.100**	**1.100**	**198**		**902**	
3	**Tiền thuê đất**	**2.000**	**2.000**			**2.000**	

Stt	Chỉ tiêu	DỰ TOÁN NĂM 2023					
		Tỉnh giao	Tổng số huyện giao	*Trong đó chia ra:*			
				NS TW	NS Tỉnh	NS Huyện	NS Xã, thị Trấn
4	**Thu tiền sử dụng đất**	**2.500**	**3.000**			**3.000**	
5	**Lệ phí trước bạ**	**2.200**	**2.200**			**2.200**	
6	**Phí, lệ phí**	**600**	**600**	**31**	**-**	**300**	**269**
	Trong đó: + Phí trung ương	*31*	*31*	*31*			
	+ Lệ phí môn bài	*210*	*210*				210
	+ Phí bảo vệ môi trường KTKS	*200*	*200*			200	
	+ Phí, lệ phí khác	*159*	*159*			100	59
7	**Thu khác NS TW, huyện**	**3.000**	**3.000**	**1.791**	**-**	**1.100**	**109**
	Trong đó: + Thu khác ngân sách trung ương	*1.791*	*1.791*	*1.791*			
	+ Thu khác ngân sách huyện	*1.100*	*1.100*			*1.100*	
	+ Thu khác ngân sách xã	*109*	*109*				*109*
B	**THU XUẤT NHẬP KHẨU**	**140.000**	**140.000**	**140.000**	**-**	**-**	**-**
1	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	140.000	140.000	140.000			
	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**549.309**	**549.809**	**-**	**-**	**416.699**	**133.110**
I	**Thu nội địa được hưởng theo phân cấp**	**277.807**	**278.307**		**-**	**276.872**	**1.435**
1	**Các khoản thu 100%**	**150.068**	**150.568**	**-**	**-**	**150.190**	**378**
2	**Các khoản thu tỷ lệ %**	**127.739**	**127.739**	**-**	**-**	**126.682**	**1.057**
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**271.502**	**271.502**	**-**	**-**	**139.827**	**131.675**
1	Bổ sung cân đối	47.169	47.169				47.169
2	Bổ sung có mục tiêu	224.333	224.333			139.827	84.506

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG

PL số 02

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 175 /TTr-UBND ngày 12 /12/ 2023 của UBND huyện Nam Giang)

ĐVT: triệu đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	Tổng dự toán chi ngân sách năm 2024	Trong đó:	
			Dự toán ngân sách cấp huyện chi	Dự toán ngân sách cấp xã chi
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	**549.809**	**416.699**	**133.110**
I	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**	**100.438**	**72.485**	**27.953**
1	**Chi đầu tư XDCB ngân sách tập trung**	**23.830**	**23.830**	0
1.1	Cân đối ngân sách theo tiêu chí phân bổ	18.076	18.076	0
1.2	Tỉnh hỗ trợ thêm chi XDCB tập trung	5.754	5.754	0
2	**Chi từ nguồn vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu**	**39.508**	**16.155**	**23.353**
2.1	Thực hiện Nghị quyết 16/TW	12.000	12.000	0
2.2	Thực hiện dự án Kè Khe Điêng	4.000	4.000	
2.3	Thực hiện dự án trồng 1 tỷ cây xanh	155	155	
2.4	Thực hiện Nghị quyết 23 của HĐND tỉnh	9.000	0	9.000
2.5	Thực hiện Chương trình Nông thôn mới	14.353	0	14.353
3	**Chi từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu**	**34.100**	**29.500**	**4.600**
3.1	Thực hiện Chương trình Nông thôn mới	4.600		4.600
3.2	Đầu tư ổn định đời sống và SX vùng TĐ SB4	29.500	29.500	
4	**Chi từ nguồn khai thác quỹ đất**	**3.000**	**3.000**	**0**
II	**CHI THƯỜNG XUYÊN**	**442.837**	**338.531**	**104.306**
1	Chi sự nghiệp giáo dục-Đào tạo	184.739	184.259	480
2	Chi sự nghiệp y tế	1.645	285	1.360
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3.908	1.784	2.124
4	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	1.659	679	980
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	2.573	1.593	980
6	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	22.377	18.305	4.072
7	Chi quản lý hành chính	135.153	47.210	87.943
8	Chi an ninh	3.922	1.788	2.134
9	Chi quốc phòng	9.948	9.048	900
10	Chi sự nghiệp kinh tế	72.154	69.684	2.470
11	Chi sự nghiệp môi trường	2.050	1.400	650
12	Chi khác ngân sách	2.709	2.496	213
III	**DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**6.534**	**5.683**	**851**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN NAM GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Nam Giang, ngày tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021, Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh khoá X ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh khoá X; Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh khoá X;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Sau khi xem Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2023 của UBND huyện về việc đề nghị phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024, Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế-xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn huyện với những nội dung sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 464.800.000.000 đồng, bằng chữ: *(Bốn trăm sáu bốn tỷ tám trăm triệu đồng y);* Bao gồm các nguồn thu như sau:

1.1. Tổng thu nội địa trên địa bàn: 324.800.000.000 đồng; Gồm:

- Thu nội địa Cục thuế quản lý thu: 303.900.000.000 đồng;
- Thu nội địa Chi Cục thuế quản lý thu: 20.900.000.000 đồng.

1.2. Thu xuất nhập khẩu: 140.000.000.000 đồng.

2. Thu ngân sách địa phương được hưởng: 549.809.000.000 đồng *(Năm trăm bốn chín tỷ tám trăm không chín triệu đồng y).*

2.1 Thu nội địa trên địa bàn ngân sách địa phương được hưởng: 278.307.000.000 đồng;

2.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 271.502.000.000 đồng.

3. Tổng chi ngân sách huyện, xã: 549.809.000.000 đồng *(Năm trăm bốn chín tỷ tám trăm không chín triệu đồng y; Trong đó:*

3.1. Chi ngân sách cấp huyện: 416.699.000.000 đồng;

3.2. Chi ngân sách cấp xã: 133.110.000.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 01, 02 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. HĐND huyện giao Ủy ban nhân dân huyện:

- Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị, địa phương theo Nghị quyết này; đồng thời, quản lý, chỉ đạo, điều hành dự toán thu, chi ngân sách theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và theo cơ chế quản lý điều hành kế hoạch do UBND huyện ban hành.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có những phát sinh phục vụ yêu cầu cấp bách, khách quan cần phải điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách, UBND huyện trao đổi thống nhất với Thường trực HĐND huyện để xử lý và báo cáo kết quả thực hiện cho HĐND huyện tại cuộc họp gần nhất.

- Đối với chi sự nghiệp Giáo dục giao cho UBND huyện trực tiếp phân bổ dự toán chi tiết đến các đơn vị trường học thực hiện.

2. Căn cứ vào quyết định giao dự toán chi tiết về thu, chi ngân sách năm 2024 cho các địa phương, UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm trình HĐND cùng cấp quyết định giao dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách của cấp mình.

3. Thường trực HĐND, các ban HĐND, Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND huyện, có trách nhiệm giám sát việc hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Nam Giang khóa XII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 22/12/2023./.

Nơi nhận:
- HĐND&UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND; UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- BTV Huyện ủy;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XII;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

La Lim Hậu